

ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA CỦA THÀNH NGỮ Y HỌC TRONG TIẾNG HÁN

THE SEMANTIC CHARACTERISTICS OF CHINESE MEDICAL IDIOMS

TRẦN MINH VĂN

(ThS; Hà Nội)

Abstract: The medical idioms are important part of Chinese idiom system. Their connotations including three aspects of "medicine", "herbs" and "diseases" clearly express the ancient perception of all things interacting with and transforming each other in a holistic unity. Idioms in Chinese medicine not only contribute to the theoretical system of traditional medicine, but also enrich the language because of being widely used in social life. This article clarifies the semantic and cultural characteristics of these idioms by carefully analyzing their connotations.

Keywords: medical idiom; Chinese; semantic.

1. Đông y với tư cách là một bộ phận quan trọng cấu thành nền văn hóa Trung Hoa, từ hàng ngàn năm nay đã không ngừng được truyền bá và đúc kết qua nhiều phương thức, trong đó đáng chú ý là phương thức thông qua thành ngữ- một đơn vị rất đặc trưng của ngôn ngữ. Thành ngữ là viên ngọc sáng trong kho tàng ngôn ngữ quý báu, vừa cô đọng, súc tích, vừa mang đậm hàm ý văn hóa dân tộc. Thành ngữ liên quan đến Đông y đã góp phần làm nên một hệ thống lí luận y học cổ xưa vô cùng sinh động. Nhờ khả năng biểu đạt và sự truyền bá rộng rãi trong dân gian, tiểu loại thành ngữ này đã bộc lộ quan niệm nhân sinh của người xưa qua lăng kính y học của mình một cách hết sức tinh tế.

2. Những thành ngữ có nội dung Đông y về cơ bản đề cập đến ba nhân tố là “y”, “dược” và “bệnh”, tức là đề cập đến thầy thuốc, việc trị bệnh, thuốc và bệnh tật.

Những yếu tố như “y”, “dược”, “bệnh” có thể trực tiếp xuất hiện trong thành ngữ, ví dụ: *thượng y y quốc* 上医医国 (thầy thuốc cao minh có thể chấn hưng đất nước), *dĩ độc công độc* 以毒攻毒 (lấy độc trị độc), *đàm mê tâm khiếu* 痰迷心窍 (trúng gió hôn mê)..., cũng có khi thông qua phép ẩn dụ, hoán dụ mà biểu đạt nội dung y học, như *phong trung chi chúc* 风中之烛 (ngọn đèn trước gió), *bán tiệt nhập thổ* 半截入土 (người bệnh nguy kịch sắp qua đời)...

1) **Thành ngữ và Đông y thường được đặt trong mối quan hệ xã hội.** Nền tảng cuộc sống chính là cội nguồn sản sinh ra thành ngữ. Thành ngữ Đông y trước hết bắt nguồn từ y học, tức hệ thống quan niệm phản ánh quá trình đấu tranh của con người với thế giới tự nhiên và với bệnh tật. Không khó để nhận ra những thành ngữ như *bán thân bất toại* 半身不遂 (liệt nửa người), *đối chứng hạ dược* 对症下药 (bệnh nào thuốc

này), *bệnh nhập cao hoang* 病入膏肓 (bệnh vào chỗ chí mạng)... trực tiếp bàn về y học. Một điều thú vị là hầu hết thành ngữ Đông y lại đồng thời phản ánh các hiện tượng xã hội. Người xưa khéo léo dùng những khái niệm trong y học để miêu tả diện mạo và quy luật nhân sinh, như *vô bệnh thân ngâm* 无病呻吟 (không bệnh mà rên rỉ) ám chỉ sự sáo rỗng của một số phong trào hay khuynh hướng hình thức trong xã hội, hoặc như *lượng dược khổ khẩu* 良药苦口 (thuốc đắng dã tật, điều phải thì không dễ nghe)... Quan niệm y học và quan niệm nhân sinh đôi khi hòa quyện vào nhau, thống nhất và giải thích cho nhau. Thành ngữ *lạc cực sinh bi* 乐极生悲 (vui đến đỉnh điểm lại hóa buồn), mang đậm tính triết lí của Dịch học “vật cùng tác phản” (物极则反), dùng để chỉ những việc hoan lạc đến cực điểm rồi cũng dẫn đến hậu quả tiêu cực. Đó cũng là một quy luật chuyển hóa trong đông y, thống nhất với lí luận *duyang cực sinh âm* 阳极生阴, *nhật cực sinh hàn* 热极生寒, trạng thái nào đến đỉnh điểm thì sẽ chuyển hóa, theo thuyết tạng tượng thì vui quá hại tâm, dẫn đến sự mất điều hòa tạng phủ, từ đó gây nên bệnh tật.

Từ việc quan sát các biểu hiện tật bệnh, chẩn đoán rồi tìm ra phương thuốc điều trị trong lĩnh vực y học, cổ nhân cũng liên hệ đến lĩnh vực xã hội, cố gắng chỉ ra sự tương ứng giữa y học và cuộc sống, để tìm ra những biểu hiện tiêu cực, xác định căn nguyên và biện pháp khắc phục, nhằm duy trì trạng thái ổn định và lành mạnh cho xã hội. Thành ngữ Đông y tập hợp thành hệ thống kinh nghiệm y học tương đối đầy đủ, có thể chia ra các loại như: thành ngữ về thầy thuốc, thành ngữ về y lí, thành ngữ về chẩn đoán, thành ngữ về điều trị, thành ngữ về thuốc, thành ngữ dưỡng sinh v.v... Xét từ

góc độ ý nghĩa, đó cũng chính là hệ thống lí luận nhân sinh.

2) *Thành ngữ về thầy thuốc bao gồm những thành ngữ điển cố về các bậc danh y thời xưa, và những thành ngữ phản ánh sự đánh giá của xã hội về người hành nghề y.* Thầy thuốc là những sứ giả mang lại sức khỏe và tính mạng cho quần chúng nhân dân. Đó không chỉ là một nghề, mà còn là một sứ mệnh đòi hỏi người thầy thuốc không những có y thuật giỏi, mà quan trọng hơn là phải có phẩm chất đạo đức mẫu mực. Nhiều vị danh y mà tên tuổi đã đi vào thành ngữ, như *Biển Thuốc tái thế* 扁鹊再世, *Hoa Đà tại thế* 华佗在世 (ví thầy thuốc như Biển Thuốc, Hoa Đà sống lại)... hoặc những câu chuyện gắn với tài năng và y đức của họ, như *khởi tử hồi sinh* 起死回生 (cứu người chết sống lại), *huyền hồ tế thế* 悬壶济世 (thần y cứu đời), *thủ đảo bệnh trừ* 手到病除 (*thầy thuốc đến thì bệnh lui*)... Bên cạnh đó, thái độ phê phán mặt trái của nghề y cũng được phản ánh rõ nét trong thành ngữ, ví dụ: *dung y sát nhân* 庸医杀人 (thầy thuốc rơm hại chết người), *biêm dung châm tục* 砭庸针俗 (kim cùn ngải ảm),...

3) *Thành ngữ về chẩn đoán bệnh miêu tả trình độ nhận thức đối với các loại tật bệnh và các phương pháp trong chẩn đoán.* Tật bệnh được nhận thức từ các vị trí bị bệnh, như *kết thiệt đồ khẩu* 结舌杜口 (lưỡi cứng miệng mím), *thống tâm tật thủ* 痛心疾首 (đau tim nhức đầu)... đến nguyên nhân gây bệnh, như *tích lao thành tật* 积劳成疾 (mệt nhọc lâu thành bệnh), *sương lộ chi tật* 霜露之疾 (bệnh sương gió, dãi gió dầm sương lâu ngày sinh bệnh)... cho đến những biểu hiện của bệnh như *hồi quang phản*

chiếu 回光返照 (ánh mắt sáng lên lúc lâm chung), *bất thống bất dưỡng* 不痛不痒 (không đau không ngứa)..., hay các phương pháp chẩn đoán như *vọng văn vấn thiết* 望闻问切 (quan sát, nghe, hỏi và bắt mạch), *vấn hàn vấn nhiệt* 问寒温热 (hỏi các biểu hiện hàn nhiệt)...

4) **Thành ngữ về điều trị thể hiện rất rõ quan niệm truyền thống về âm dương.** Bệnh tật do mất cân bằng âm dương mà gây ra, cho nên điều trị phải hướng đến việc lấy lại thể cân bằng âm dương. Việc chữa bệnh cần bao quát cái tổng thể, không chỉ *đầu thống trị đầu* 头痛治头 (đầu đau chữa đầu), *cước thống trị cước* 脚痛治脚 (chân đau chữa chân), mà cần *tiêu bản kiêm trị* 标本兼治 (chữa cả gốc lẫn ngọn), *công bổ kiêm thi* 攻补兼施 (chữa bệnh kết hợp với bồi bổ). Đồng thời mối quan hệ âm dương còn được nhấn mạnh bởi sự đối lập giữa triệu chứng và phương pháp trong điều trị, như thành ngữ *cấp mạch hoãn cứu* 急脉缓灸 (bệnh cấp tính thì trị bằng phép hòa hoãn), bệnh nhiệt thì dùng hàn trị, bệnh dương thì dùng âm trị.

5) **Thành ngữ cũng tổng kết nhiều tri thức về thuốc.** Văn hóa về thuốc đông y có lịch sử hàng ngàn năm. Thuốc luôn là một trong những nội dung quan trọng nhất của đông y. Số lượng kiến thức đúc kết được vô cùng đa dạng, thành ngữ ghi chép những kiến thức này hết sức phong phú, thể hiện nhận thức từ rất sớm của con người đối với giá trị của môi trường sinh thái. Nhiều thành ngữ đề cập đến tên các vị thuốc như *tam niên chi ngải* 三年之艾 (ngải ba năm), *ý dĩ minh châu* 薏苡明珠 (ý dĩ và hạt ngọc), *ngưu sừ mã bột* 牛溲马勃 (những loại thuốc đơn giản)..., có thành ngữ miêu tả tính

được, công năng của thuốc như *vạn ứng linh dược* 万应灵药 (thuốc trị bách bệnh), *khổ dược lợi bệnh* 苦药利病 (thuốc đắng tốt cho chữa bệnh), *huân du dị khí* 薰蕕异器 (hai loại cỏ tính dược trái ngược)... Những thành ngữ về việc sử dụng thuốc hoặc bào chế như *y pháp bào chế* 依法炮制 (bào chế thuốc theo phương pháp sẵn có), *dược thạch chi ngôn* 药石之言 (lời nói có công hiệu), *cẩu bì cao dược* 狗皮膏药 (những thứ thuốc rẻ tiền), *bất an quân thần* 不按君臣 (dùng thuốc sai quy luật)... Từ đó, có thể thấy, phần nào thấy được sự ảnh hưởng to lớn của cỏ cây, môi trường sống xung quanh đến sức khỏe và sinh mệnh của con người, càng nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của vạn vật tồn tại trong tự nhiên.

6) **Dưỡng sinh là đặc trưng tiêu biểu trong Đông y.** Thành ngữ đề cập đến vấn đề này có nội dung tương đối rộng, cốt lõi của nó là những kinh nghiệm nhằm điều hòa mối quan hệ giữa con người với các yếu tố bên trong và bên ngoài chủ thể. Con người muốn duy trì sức khỏe cần chú ý điều tiết bản thân để thích ứng với các yếu tố về thời tiết, như thành ngữ *thuận kì tự nhiên* 顺其自然 (thuận theo tự nhiên), thành ngữ về yếu tố sinh lí, như *vị lão tiên suy* 未老先衰 (chưa già đã yếu), thành ngữ về yếu tố tâm lí, như *cao chẩm vô ưu* 高枕无忧 (kê cao gối mà ngủ, không phải lo âu), thành ngữ về yếu tố ẩm thực, như *khẩu phúc chi lụy* 口腹之累 (cái khổ của dạ dày), hay thành ngữ về yếu tố vận động phòng bệnh, như *thổ cố nạp tân* 吐故纳新 (hít thanh khí, thở ra trọc khí)...

7) **Thành ngữ Đông y mang nội hàm văn hóa sâu sắc.** Thành ngữ Đông y đã tái hiện bức tranh tri thức về y học cổ đại Trung Hoa đầy màu sắc, không chỉ khẳng định

thành tựu y học độc đáo của Trung Quốc mà còn thể hiện sức sống mạnh mẽ của tiếng Hán. Những kiến thức Đông y từ lí luận đến thực tiễn được truyền bá rộng rãi trong đời sống. Thành ngữ Đông y trở thành ngôn ngữ khoa học của cộng đồng. Nó không còn đơn giản là những thuật ngữ chuyên ngành, mà ở một mức độ cao hơn, đã trở thành sự kết tinh văn hóa. Cùng với việc thể hiện quan niệm khoa học truyền thống, những thành ngữ này cũng phản ánh rõ nét quan niệm về triết học, tinh thần nhân văn, nhu cầu thẩm mỹ ngàn đời của dân tộc Hán. Quan niệm triết học được thể hiện qua cách nhìn chỉnh thể và tư duy biện chứng. Những thành ngữ như *thuần vong sĩ hàn* 唇亡齿寒 (môi hở răng lạnh), *tâm quảng thể bạng* 心广体胖 (tâm vui thì thân thể cường tráng) đã thể hiện rõ cách nhìn nhận vạn vật trong mối quan hệ tổng hòa và luôn luôn vận động, biến đổi, ảnh hưởng lẫn nhau, chuyển hóa cho nhau và tác động đến cả tổng thể. Thành ngữ Đông y phản ánh tinh thần nỗ lực đấu tranh, vượt lên bệnh tật của con người cũng như khát vọng cải tạo xã hội, lấy con người làm trung tâm, lấy Nhân 仁 làm cốt lõi trong y học và trong đời sống, như *nhân tâm nhân thuật* 仁心仁术 (lòng nhân với thuật nhân), *cứu tử phù thương* 救死扶伤 (cứu người chết, giúp người đau). Thành ngữ đông y cũng đề cập đến quan niệm thẩm mỹ. Đáng chú ý là, góc độ triết học, thẩm mỹ trong Đông y chính là cái đẹp tổng hòa, cái đẹp chỉnh thể, cái đẹp lành mạnh. *Thiên nhân hợp nhất* 天人合一, *thuận kì tự nhiên* 顺其自然 chính là đạt đến trạng thái thẩm mỹ hài hòa ấy. Quan niệm thẩm mỹ trực giác mỗi thời mỗi khác, nhưng quan niệm “chỉnh thể hài hòa” có lẽ sẽ trường tồn cùng thời gian.

3. Có thể nói, thành ngữ Đông y đã vượt ra ngoài khuôn khổ lĩnh vực y học, xâm

nhập một cách linh hoạt vào mọi góc cạnh của cuộc sống, làm phong phú hơn phương thức biểu đạt của ngôn ngữ đời sống. Những kiến thức khoa học chuyên ngành lại được trình bày một cách nhuần nhuyễn và tinh tế qua hình thức thành ngữ, tạo nên hiện tượng ngôn ngữ khoa học hết sức độc đáo. Và trên hết, thành ngữ là lăng kính kì diệu để y học soi rọi chân lí vào đời sống xã hội, khiến cho những tri thức cổ nhân truyền đạt vừa mang tính khoa học, lại vừa mang tính nhân văn. Xu hướng dùng khái niệm thuật ngữ y học để miêu tả những nội dung của nhiều lĩnh vực khác trong xã hội cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của y học trong đời sống. Việc nghiên cứu tập hợp thành ngữ về y học từ đó sẽ có ý nghĩa thiết thực với mọi mặt đời sống.

Tài liệu tham khảo chính

1. Nguyễn Văn Khang (1994), *Bình diện văn hoá xã hội ngôn ngữ học của các thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt*, tạp chí Văn hoá dân gian, số 1.
2. Trần Thúy, Phạm Duy Nhạc, Hoàng Bảo Châu (1993), *Bài giảng Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học, Tập 1,2
3. Trần Minh Văn (2012), *Nghiên cứu thành ngữ tiếng Hán có liên quan đến Y học Trung Quốc*, Luận văn Thạc sĩ- Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.
4. 温长路, 《对成语典故与医学关系问题的一些看法》, 中华中医药学会, 2007 年.
5. 韩春晓, 《中医药文化熟语探析》, 内蒙古大学硕士论文, 2007 年.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 19-07-2013)